

THÔNG TƯ

Quy định các bộ dữ liệu, chuẩn dữ liệu và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia

Căn cứ Luật khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định các bộ dữ liệu, chuẩn dữ liệu và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết khoản 2 Điều 31 Luật khí tượng thủy văn về các bộ dữ liệu, chuẩn dữ liệu và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Mục 1

CÁC BỘ DỮ LIỆU, CHUẨN DỮ LIỆU KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 3. Các bộ dữ liệu khí tượng thủy văn

Bộ dữ liệu khí tượng thủy văn bao gồm tất cả các thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn quy định tại Điều 29 và thông tin, dữ liệu về giám sát biến đổi khí hậu quy định tại khoản 2, Điều 34 của Luật khí tượng thủy văn, được sắp xếp thành các bộ sau:

1. Bộ dữ liệu về quan trắc, điều tra, khảo sát khí tượng, thủy văn, hải văn, môi trường không khí và nước gồm các thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 29 và điểm a, điểm d khoản 2 Điều 34 của Luật khí tượng thủy văn:

a) Thông tin, dữ liệu về khí tượng gồm 12 thông số sau: Bức xạ, áp suất khí quyển, gió, bốc hơi, nhiệt độ (không khí, đất), độ ẩm (không khí, đất), mây, mưa, tầm nhìn xa, thời gian nắng, các hiện tượng khí tượng khác theo quy phạm kỹ thuật quan trắc;

b) Thông tin, dữ liệu về thủy văn gồm 4 thông số sau: Mực nước, lưu lượng nước, lưu lượng chất lơ lửng, nhiệt độ nước;

c) Thông tin, dữ liệu về hải văn gồm 10 thông số sau: Gió bề mặt biển, tầm nhìn xa phía biển, mực nước biển, sóng biển, trạng thái mặt biển, nhiệt độ nước biển, độ muối nước biển, sáng biển, các hiện tượng khí tượng hải văn nguy hiểm (sóng lừng, sóng thần,...), dòng chảy trên biển.

d) Thông tin, dữ liệu về ô dôn - bức xạ cực tím gồm: Tổng lượng ô dôn, cường độ bức xạ cực tím;

đ) Thông tin, dữ liệu về môi trường không khí gồm: Thành phần hóa học của nước mưa, các thông số vật lý, các thông số hóa học của môi trường không khí;

e) Thông tin, dữ liệu về môi trường nước gồm: Các thông số vật lý, các thông số hóa học của môi trường nước sông, hồ, biển.

2. Bộ dữ liệu về dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn gồm các thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 29 của Luật khí tượng thủy văn:

a) Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

b) Sản phẩm của các mô hình dự báo;

c) Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh;

d) Thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

đ) Thông tin, dữ liệu thu được từ tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

e) Thông tin, dữ liệu về thiên tai khí tượng thủy văn.

3. Bộ dữ liệu về hồ sơ kỹ thuật trạm và giấy phép dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn gồm các thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 29 và điểm h khoản 2 Điều 34 của Luật khí tượng thủy văn:

a) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;

b) Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

c) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

4. Bộ dữ liệu về biến đổi khí hậu gồm các thông tin, dữ liệu quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ, điểm e và điểm g khoản 2 Điều 34 của Luật khí tượng thủy văn:

a) Bộ chuẩn khí hậu quốc gia;

b) Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia;

c) Kịch bản biến đổi khí hậu;

d) Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính;

đ) Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

5. Bộ dữ liệu nghiên cứu khoa học, chương trình, dự án về khí tượng thủy văn gồm các thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 3, khoản 7 Điều 29 và điểm i khoản 2 Điều 34 của Luật khí tượng thủy văn:

a) Kết quả đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu;

b) Chương trình, đề án, dự án về khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu;

c) Phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

d) Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

6. Bộ dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật về khí tượng thủy văn gồm các thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 8 Điều 29 và điểm d, điểm k khoản 2 Điều 34 của Luật khí tượng thủy văn:

- a) Văn bản quy phạm pháp luật về khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu;
- b) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu;
- c) Quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật về khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu;
- d) Thông tin, dữ liệu về hoạt động bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

Điều 4. Chuẩn dữ liệu khí tượng thủy văn

1. Chuẩn hóa là nội dung nhằm giúp cho việc tổ chức dữ liệu trong cơ sở dữ liệu một cách hiệu quả. Mục đích của chuẩn hoá là giảm các dữ liệu dư thừa, bảo đảm độc lập dữ liệu để giảm thiểu không gian sử dụng trong cơ sở dữ liệu và dữ liệu được lưu trữ một cách logic.
2. Dữ liệu trước khi đưa vào cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia phải được kiểm tra, chuẩn hóa theo quy chuẩn kỹ thuật về khí tượng thủy văn và tiêu chuẩn dữ liệu quốc tế, quốc gia để đảm bảo việc quản lý và trao đổi, kết nối với các cơ sở dữ liệu khác.
3. Việc chuẩn hóa dữ liệu khí tượng thủy văn thực hiện theo quy trình chi tiết xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Mục 2

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA

Điều 5. Giao nộp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn

1. Cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để quan trắc, điều tra, khảo sát khí tượng thủy văn và các hoạt động khí tượng thủy văn khác có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn cho cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia theo quy định của Luật khí tượng thủy văn và các quy định của pháp luật về khí tượng thủy văn.

2. Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn giao nộp phải có nguồn gốc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin, dữ liệu.

Điều 6. Quản lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn

1. Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn của quốc gia, có trách nhiệm:

a) Thu nhận thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này do cơ quan, tổ chức thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện;

b) Thu nhận thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ, ngành), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

c) Lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định;

d) Hướng dẫn, kiểm tra về giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn quy định tại Thông tư này; xây dựng báo cáo thu nhận, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn do các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân cung cấp để phục vụ việc xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia;

đ) Hằng năm, rà soát báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

2. Các Bộ, ngành có trách nhiệm:

a) Thu nhận thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này do cơ quan, tổ chức thuộc Bộ, ngành thực hiện;

b) Tổ chức lưu trữ, bảo quản, sử dụng và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn cho cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia;

c) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn cho Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu);

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều này;

e) Thông báo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường đầu mối quản lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn để phối hợp thực hiện.